TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Bồ tát Quảng Đức: Vị thánh tăng PGVN thời hiện đại

ISSN: 2734-9195 09:05 10/06/2026

Chỉ có bậc tu hành chứng quả bồ đề, đạt hạnh Bát nhã ba la mật (Trí tuệ đáo bĩ ngạn) của bậc Bồ tát mới có được thần thái như thế. Ngài Thích Quảng Đức chính là bậc Bồ tát hóa thân để hoằng dương đạo Phật trong thời mạt pháp.

"Tưởng niệm 63 năm Ngài vị pháp thiêu thân 11/06/1963 - 11/06/2026".

Bồ tát Thích Quảng Đức (1897-1963) là một vị Thánh Tăng của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Thế danh của Ngài là Lâm Văn Tức (có tài liệu ghi là Lâm Văn Tuất), sinh năm Đinh Dậu (1897)[1] tại thôn Hội Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, trong một gia đình mộ Phật, có 7 anh chị em, thân phụ là Lâm Hữu Ứng và thân mẫu là Nguyễn Thị Nương.

Năm lên bảy tuổi, Ngài xuất gia tu học với Hòa thượng Như Đạt Minh Lý, tự Hoằng Thâm, thuộc dòng Thiền Chúc Thánh. Hòa thượng vừa là bổn sư truyền giới, vừa là cậu ruột, nhận Ngài làm con nuôi và chính thức đổi tên là Nguyễn Văn Khiết, pháp danh là Thị Thủy.

Sau 8 năm tu tập, lúc mười lăm tuổi (1911), Ngài được Hòa thượng bổn sư cho thọ giới Sa di, đặt pháp tự là Hạnh Pháp. Năm hai mươi tuổi (1916), Ngài thọ giới Tỳ kheo, pháp hiệu là Quảng Đức.

Sau khi thọ đại giới, Ngài phát nguyện nhập thất tu ba năm tại thảo am trên ngọn núi mang tên Hòn Đất thuộc thôn Thuận Mỹ, xã Ninh Quang, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Về sau, Ngài đã trở lại nơi này và cho xây dựng trên núi một ngôi chùa đặt tên là Thiên Lộc tự.

Từ đó, Ngài bắt đầu hoằng dương chính pháp, hoá độ chúng sinh. Ngài một mình vân du hóa đạo theo hạnh đầu đà với chiếc bình bát. Hai năm mãn nguyện, Ngài lại trở về Ninh Hòa nhập thất tại chùa Sắc tứ Thiên Ân, một ngôi cổ tự được xây dựng từ đầu triều vua Minh Mệnh (1820-1840), ở thôn Phước Thiện, xã Ninh Đông, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.



(Ảnh: Internet)

Năm 1932, Hội An Nam Phật học ra đời, Đại lão Hòa thượng Hải Đức đến nơi Ngài đang nhập thất thăm hỏi, mời Ngài nhận chức Chứng minh Đạo sư cho Chi hội Phật học Ninh Hòa. Ba năm sau, Ngài được thỉnh cử giữ chức Kiểm Tăng của Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa.

Trong thời gian hành đạo tại miền Trung, Ngài đã kiến tạo và trùng tu tất cả 14 ngôi chùa. Những ngôi chùa do Ngài là Tổ khai sơn như chùa Thiên Lộc (thôn Thuận Mỹ, xã Ninh Quang, Ninh Hòa), chùa Chi hội Phật giáo Ninh Hòa (nay là chùa Đức Hòa, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa),...

Sau nhiều năm vân du ở miền Trung, năm 1943[2] Ngài vào Nam để giáo hoá, Ngài hành đạo khắp các tỉnh thành: Sài Gòn Gia Định, Định Tường, Tây Ninh, Bà Rịa, Hà Tiên...

Ngài cũng đã từng sang Nam Vang (Phnôm-Pênh, Campuchia) và Lào khoảng ba năm, vừa giáo hóa các phật tử kiều bào, vừa nghiên cứu kinh điển Pali và Phật giáo Nam tông (Theravàda). Những bài thi kệ được Ngài viết để dặn dò các đệ tử đã cho biết bước chân Ngài từng vân du khắp nơi.

Lúc mới vào Nam, Ngài đã lưu trú tại chùa Long Vĩnh ở quận 3, **Sài Gòn** trong một thời gian dài, nên dân chúng quen gọi Ngài là Hòa thượng Long Vĩnh. Dù bất cứ ở đâu và lúc nào, Ngài bao giờ cũng luôn dốc lòng làm tròn nhiệm vụ của một sứ giả Như Lai, kế tục chư Tổ sư trao truyền giáo hạnh, chăm lo tô bồi công đức, hoằng dương chính pháp, cứu độ quần sinh.

Năm 1953, Ngài được thỉnh cử vào chức vụ Phó Trị sự và Trưởng ban Nghi lễ Giáo hội Tăng già Nam Việt, kiêm nhiệm vụ trụ trì chùa Phước Hòa ở Bàn Cờ, ngôi chùa này là nơi đặt trụ sở đầu tiên của Hội Phật học Nam Việt.

Năm 1958, khi trụ sở của Hội dời về chùa Xá Lợi, Ngài nhận thấy tuổi đã cao và với bổn nguyện "Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm", nên đã xin thôi mọi chức vụ để có đủ thì giờ an tâm tu niệm. Thời gian này, Ngài tiếp tục vân du hành đạo ở nhiều nơi, với tâm từ bi vô ngã vị tha, Ngài dùng mọi phương tiện thích ứng để hướng dẫn thế nhân mê mờ quay về với chánh đạo.

Khoảng những năm 1960 - 1962, ngài thường đi và về giữa Khánh Hòa và Gia Định, khi thì Ngài về lại quê hương Khánh Hoà hành đạo, trụ trì chùa Long Phước, thôn Thạch Thành, xã Ninh Quang, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; lúc thì Ngài về Gia Định trụ trì chùa Quan Thế Âm ở Phú Nhuận.

Năm 1963 phong trào đấu tranh của **Phật giáo miền Nam** đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo diễn ra khắp các tỉnh thành: Huế, Quảng Trị, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết, Sài Gòn, Gia Định..., Ngài tích cực tham gia. Chính sách kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật giáo của Ngô Đình Diệm ngày một nặng nề và khốc liệt. Máu Phật tử đã đổ ở Đài Phát thanh Huế vào đêm ngày 8 tháng 5 năm 1963. Nhiều cơ sở già lam, tự viện ở các vùng miền bị phong tỏa, nhiều Phật tử bị chính quyền họ Ngô bắt bớ, khảo tra. Để thức tỉnh Tổng thống Ngô Đình Diệm và những quan chức chính quyền họ Ngô sớm đáp ứng năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo đồ, đồng thời để cho thế giới nhận thấy cuộc đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, đòi bình đẳng tôn giáo của Phật tử Việt Nam là chính đáng, Ngài đã quyết định thực hiện tâm nguyện của mình là được thiêu đốt nhục thân để cúng dường chư Phật và bảo vệ Đạo pháp, bởi Ngài nhận ra rằng thân ngũ uẩn này chỉ là giả tạm, chỉ có Chính pháp mới là trường tồn, bất diệt.

Đơn xin tự thiêu của Ngài được viết tại chùa Long Phước, thôn Thạch Thành, xã Ninh Quang, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn Thạch thành, xã Tân Định, tỉnh Khánh Hòa), có chữ ký và đóng dấu xác nhận nơi cư trú của Ngài do ông Trần Cầu là Chánh đại diện xã Ninh Quang, huyện Ninh Hòa lúc bấy giờ ký xác nhận nơi cư trú của Ngài[3].

Ngày 20 tháng 4 nhuần năm Quý Mão, tức ngày 11/06/1963, cuộc diễu hành rước di ảnh các Thánh tử đạo của trên 800 vị Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, tăng, ni và phật tử từ chùa Phật Bửu đến chùa Xá Lợi, khi đoàn diễu hành tiến đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu và **Cách mạng Tháng Tám**, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh), Ngài từ trên xe hơi bước xuống, tự tẩm xăng thấm ướt mấy lớp cà-sa, ngồi kiết già trên mặt đường, tự châm lửa giữa hàng mấy trăm tăng, ni đang vây quanh chắp tay cầu

nguyện, trước sự chứng kiến của nhiều quan sát viên, các nhà báo quốc tế và trong nước.

Ngọn lửa bốc cao, phủ kín thân mình, Ngài vẫn an nhiên chắp tay tĩnh tọa. Gần 15 phút sau, lửa tàn và Ngài ngã xuống, tay vẫn còn quyết ấn tam muội.



(Ảnh: Internet)

Nhục thân của Ngài được Giáo hội Phật giáo rước về quàn tại chùa Xá Lợi hơn một tuần lễ. Đến ngày 20 tháng 6 năm 1963, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo cùng tất cả chư Tăng Ni và Phật tử tổ chức lễ rước đưa kim quan về An dưỡng địa Phú Lâm, cử hành trọng thể lễ trà tỳ.

Sau khi hỏa thiêu suốt ngày, trong lò thiêu đến 4.000 độ xương thịt cháy tiêu hết, duy chỉ có trái tim của Ngài vẫn còn nguyên, được thiêu lần thứ hai vẫn không cháy.

Sự hy sinh phi phàm vì Đạo pháp của **Bồ tát Quảng Đức** đã làm chấn động dư luận khắp hoàn cầu. Báo chí thế giới đăng tin lên trang đầu cùng hình ảnh tự thiêu của Ngài. Việc Ngài tự thiêu, được đồng bào cả nước biết ngay chiều hôm đó, và đã gây xúc động sâu xa trong mọi tầng lớp trong và ngoài nước, không phân biệt tôn giáo. Sự hy sinh vì đạo pháp của Ngài đã làm cho chính quyền Ngô Đình Diệm vô cùng hoảng hốt và lo sợ, tìm mọi cách đối phó với Phật giáo bằng những thủ đoạn thâm độc hơn. Cũng chính điều đó đã làm cho phong trào

đấu tranh của Phật giáo toàn miền Nam trở nên cuồn cuộn như sóng dâng thác cuốn để đi đến hồi kết thúc vào ngày 01 tháng 11 năm 1963, chế độ độc tài gia đình trị của họ Ngô sụp đổ, Phật giáo Việt Nam thoát khỏi một cơn pháp nạn.

Trước khi tự thiêu, Ngài có để lại một bức tâm thư bằng chữ Nôm "Lời nguyện tâm quyết", nói rõ ý định và nguyện vọng của Ngài. Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh là toàn văn bức tâm thư này không chứa đựng một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào, mà trái lại toát lên tình thương bao la, mang tinh thần vô ngã vị tha, một hạnh Bồ-tát thật cao cả.

Bên cạnh bức tâm thư, Ngài còn để lại bốn bài kệ, dặn dò bổn đạo và đệ tử hãy sống theo Bát Chánh đạo và Lục hòa, đoàn kết và giữ vững niềm tin trong đạo pháp.

Cũng như ở miền Trung, hai mươi năm hành đạo ở **miền Nam**, Ngài đã khai sơn và đại trùng tu được 17 ngôi chùa. Cảnh chùa cuối cùng Ngài trú trì là chùa Quán Thế Âm, tại Phú Nhuận, tỉnh Gia Định (nay là số 90 đường Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, Ngài đã có công xây dựng và trùng tu cả thảy 31 ngôi chùa ở miền Trung và miền Nam nước ta.

Để ghi nhớ công hạnh của Ngài, sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời, Hội đồng Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo trong một phiên họp trước ngày Phật đản năm 1964, đã đồng thuận quyết nghị cung kính suy tôn Ngài pháp vị BỒ-TÁT. Sau ngày đất nước thống nhất, Nhà nước đã dùng pháp hiệu của Ngài để đặt tên cho đường Nguyễn Huệ cũ trước chùa Quán Thế Âm là đường Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận.

Quả tim của Bồ tát Quảng Đức là một chứng minh cụ thể cho tấm lòng của muôn người con Phật luôn yêu chuộng hòa bình tự do và bình đẳng nhưng cũng bất khuất trước nạn cường quyền và áp bức. Trái tim ấy trở thành biểu tượng tinh thần của Phật giáo Việt Nam và là trái tim của nhân loại đã và đang đấu tranh mãi cho tự do, hòa bình, hạnh phúc nhân sinh.

Nhân Đại lễ Vesak 2025, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cung rước Trái tim bất diệt của Ngài từ Ngân hàng Nhà nước về tôn trí tại Việt Nam Quốc Tự để chư tăng, ni và phật tử thập phương chiêm bái, sau đó an vị tại tháp Đa Bảo trong khuôn viên Việt Nam Quốc Tự.

Ngoài *Đơn xin tự thiêu*, ngài còn để lại *Lời nguyện tâm quyết* viết bằng **chữ Nôm** viết vào ngày 04 tháng 6 (nhằm ngày 13 tháng 4 nhuần Quý Mão) tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn, địa chỉ số 243 đường Sư Vạn Hạnh, quận 10, Tp. HCM.

Lời nguyện tâm quyết của ngài đã thể hiện tinh thần Vô ngã vị tha, Lợi lạc quần sanh của nhà Phật một cách rốt ráo viên mãn.

Ngài sẵn sàng tự nguyện hy sinh thân giả tạm của mình để bảo tồn đạo pháp, để cảnh tỉnh nhà cầm quyền và kêu gọi họ hãy vì đất nước, vì dân tộc mà hồi tâm hướng thiện, thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo, được diễn đạt bằng một ngôn ngữ trong sáng giản dị, lời lẽ ôn hoà, thể hiện tinh thần Bi Trí Dũng.

Tiếp theo, ngài nêu lên 5 chí nguyện, với nội dung cầu nguyện cho *"Phật giáo trường tồn", "đất nước thanh bình, quốc dân an lạc"*. Ngài cầu mong *"Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam"*, có ghi trong bản Tuyên ngôn ngày 10 tháng 5 năm 1963.

Trước khi về cõi Phật, Hoà thượng còn *"trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, hãy thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo"* có như thế thì nước nhà mới *"vững yên muôn thủa"*; đồng thời ngài còn nhắn nhủ Tăng, Ni, Phật tử *"nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo"*. Chỉ có tấm lòng của bậc Bồ tát mới có suy nghĩ và phát biểu như thế.

Cùng với *Lời nguyện tâm quyết*, trước đó 5 ngày, tức ngày mùng 8 tháng 4 nhuần năm Quý Mão (thứ Năm ngày 30 tháng 5 năm 1963), Hoà thượng đã viết bốn bài *Kệ thiêu thân cúng dường chính pháp* bằng chữ Quốc ngữ với phong cách dung dị, lời lẽ trong sáng, dễ hiểu: *Kính dâng thập phương chư Phật, Dâng chư Hiền Thánh Tăng, Cùng toàn thể tín đồ Phật giáo, Cùng hàng Phật tử quy y, thế độ và xuất gia.*

Chỉ có bậc tu hành chứng quả bồ đề, đạt hạnh Bát nhã ba la mật (Trí tuệ đáo bĩ ngạn) của bậc Bồ tát mới có được thần thái như thế. Ngài Thích Quảng Đức chính là bậc Bồ tát hoá thân để hoằng dương đạo Phật trong thời mạt pháp. *Lời nguyện tâm quyết* của ngài, tấm lòng vô ngã vị tha và đức Bi Trí Dũng của ngài đã được Phật Tổ ấn chứng, vì thế trái tim của Ngài sau bao nhiêu lần nung đốt vẫn nguyên vẹn và càng đốt càng rắn như kim cương. Đó là Trái Tim vĩ đại, Trái Tim Bất Diệt. Để giải đáp cho vấn đề này, xin được mượn lời của thầy Đức Nghiệp (nay là Hoà thượng Phó Pháp chủ thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam) trả lời câu hỏi của một phóng viên quốc tế trong một cuộc họp báo lúc bấy giờ: *"Đó là do ngài Thích Quảng Đức phát đại thệ nguyện, nung nấu một ý chí phi thường vì đạo pháp và hòa bình cho dân tộc nên đã biến thành một năng lượng đặc biệt làm trái tim bất hoại".*

Tác giả: PGs Ts Nguyễn Công Lý

Nguyên GVCC Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG TP.HCM

***

Tài liệu tham khảo:

1] Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb Văn học, Hà Nội, tái bản, 1994.

2] Vân Thanh, *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam*, không ghi Nxb, Sài Gòn, Phật lịch 2518 (năm 1975).

3] Lê Mạnh Thát, *Một số tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005.

4] Trương Văn Chung, Nguyễn Công Lý, Thích Nhật Từ (Đồng chủ biên), *Nhìn lại phong trào Phật giáo Miền Nam 1963*, Nxb Phương Đông, TP. HCM, 2013.

5] Thích Nhật Từ, Nguyễn Kha (Đồng chủ biên), *Pháp nạn Phật giáo 1963: Nguyên nhân, bản chất và tiến trình*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2013.

6] Nguyễn Công Lý, *Tinh thần vô ngã vị tha của Bồ tát Quảng Đức qua Lời nguyện tâm quyết và Kệ thiêu thân cúng dường*, Tạp chí Xưa và Nay, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, số 430 và 431 (tháng 6 và tháng 7/2013).

Chú thích:

[1] Về năm sinh của Ngài, hiện có nhiều tài liệu ghi khác nhau: Đinh Dậu (1897), Mậu Tuất (1898). Căn cứ vào giấy tờ căn cước và lời nói của Ngài với Sư Bà (Ni Trưởng) Thích Nữ Diệu Không tại chùa Ấn Quang vào năm 1963 “Tôi nay đã 72 tuổi”, thì suy ra Ngài sinh năm 1892; trong khi đó, tại một vài văn bản do Ngài viết vào năm 1962, 72 tuổi, từ đó suy ra Ngài sinh năm 1891. Xin ghi lại tất cả để tra cứu sau.

[2] Nhiều tư liệu trước đây đều ghi là “năm 1943, rời Khánh Hoà vào Nam, Ngài hành đạo khắp các tỉnh Sài Gòn, Gia Định...”. Lê Mạnh Thát trong công trỉnh “*Một số tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*” Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2005, trong đó có một số tư liệu Hán Nôm cho biết Ngài vào Nam năm 1945.

[3] Đơn này cùng *Lời nguyện tâm quyết* hiện còn lưu giữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia 2 (TP.HCM).